

# BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-193683

7/07/2026

Khách hàng: VIN-919 WINCOMMERCE- XDCK

Nhà cung cấp: 2003606 NGOC THOM-C

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại hàng: HANG MÁT

Loại xe giao hàng:

Số xe:

Giờ nhận hàng:

Giờ kết thúc:

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe:

°C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên:

°C

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Tình trạng kiện hàng:

Thùng rách ☐

Hư hỏng ☐

Mùi hôi ☐

Bẩn ☐

Móp méo ☐

Ướt, chảy nước ☐

| Mã hàng      | Tên hàng          | Mã kho | Tên kho           | Số SO                   | Nhận hàng thực tế |        |       |         | Ghi chú |
|--------------|-------------------|--------|-------------------|-------------------------|-------------------|--------|-------|---------|---------|
|              |                   |        |                   |                         | Net(kgs)          | Gross  | Thùng | Khay2.5 | Khay1.6 |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 1519   | WM Ninh Kiều      | 4192480921 ✓            | 4.2               | 4.2    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 1526   | WM Cam Ranh       | 4192474385 ✓            | 3.8               | 3.8    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 1587   | WM Xuân Khánh     | 4192408732 ✓            | 4.0               | 4.0    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 1602   | WM Hậu Giang      | 4192457582 ✓            | 6.2               | 6.2    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 1617   | WM Bảo Lộc        | 4192472321 ✓            | 3.3               | 3.3    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 1640   | WM Cà Mau         | 4192432335-4192482357 ✓ | 9.0               | 9.0    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 1642   | WM Trần Phú       | 4192469611 ✓            | 25.0              | 25.0   | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 2AHV   | WM+ CTO 8C/1 Đườ  | 4192451240 ✓            | 3.1               | 3.1    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 2AM4   | WM+ CTO 92 Xô Viế | 4192330251 ✓            | 4.5               | 4.5    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 2ARR   | WM+ CTO 563C Trầ  | 4192468965 ✓            | 3.2               | 3.2    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 3444   | WIN VTU 890 đườn  | 4192454600 ✓            | 5.9               | 5.9    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 3771   | WM+ CTO Số 2 Trầ  | 4192449371 ✓            | 3.2               | 3.2    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4297   | WIN VTU 40 Đô Lưc | 4192475985 ✓            | 5.6               | 5.6    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4530   | WM+ CTO 44-46 Bù  | 4192456516 ✓            | 6.2               | 6.2    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4562   | WM+ AGG 244-245   | 4192413973 ✓            | 3.3               | 3.3    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4576   | WM+ AGG 01 Thái   | 4192415205 ✓            | 5.1               | 5.1    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4860   | WM+ LAN 10-11-12  | 4192460373 ✓            | 4.3               | 4.3    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4862   | WM+ KGG Lô số D4- | 4192471116 ✓            | 3.0               | 3.0    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4867   | WM+ KGG 21 Nguyễ  | 4192471444 ✓            | 3.3               | 3.3    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5130   | WM+ KGG Lô L7 -   | 4192474942 ✓            | 4.5               | 4.5    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5172   | WM+ TVH 142A Ng   | 4192348813 ✓            | 3.1               | 3.1    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5242   | WM+ TVH 363 khô   | 4192348905 ✓            | 3.5               | 3.5    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5476   | WM+ CMU 127 Ngu   | 4192349090 ✓            | 2.9               | 2.9    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6406   | WM+ VTU 31/3 Ấp P | 4192349546 ✓            | 3.4               | 3.4    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6497   | WIN VTU 66 Nguyễ  | 4192490273 ✓            | 5.7               | 5.7    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6691   | WM+ AGG 54-56 Ng  | 4192349939 ✓            | 2.8               | 2.8    | 1     |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6799   | WM+ AGG Tổ 1, Đ.  | 4192350041 ✓            | 3.3               | 3.3    | 1     |         |         |
| TOTAL:       |                   |        |                   |                         | 135.40            | 135.40 | 27    |         |         |
| GRAND TOTAL: |                   |        |                   |                         | 135.40            | 135.40 | 27    |         |         |

SCSVN

Lưu ý: nhà cung cấp phải niêm phong thùng hàng khi gửi tới kho lạnh Lineage Logistics Việt Nam

Nhà cung cấp/ NVC

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)  
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm tra niêm phong

Nguyễn Ngọc Tân



# BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-193760

08/07/2026

Khách hàng: VIN-919 WINCOMMERCE- XDCK

Nhà cung cấp: 2003606 NGOC THOM-C

Loại hàng: HÀNG MÁT

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại xe giao hàng:

Số xe:

Giờ nhận hàng:

Giờ kết thúc:

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe:

°C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên:

°C

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Tình trạng kiện hàng:

Thùng rách ☐

Hư hỏng ☐

Mùi hôi ☐

Bẩn ☐

Móp méo ☐

Ướt, chảy nước ☐

| Mã hàng      | Tên hàng          | Mã kho | Tên kho           | Số SO      | Nhận hàng thực tế |       |       |         |         | Ghi chú |
|--------------|-------------------|--------|-------------------|------------|-------------------|-------|-------|---------|---------|---------|
|              |                   |        |                   |            | Net(kgs)          | Gross | Thùng | Khay2.5 | Khay1.6 |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 1540   | WM Ninh Thuận     | 4192561862 | ✓ 4.8             | 4.8   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 1591   | WM Long Thành     | 4192489219 | ✓ 4.9             | 4.9   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 2BS6   | WM+ DNI 49 Nguyễn | 4192347901 | ✓ 3.1             | 3.1   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 2BU6   | WM+ DNI 02 Hai Bà | 4192347930 | ✓ 3.3             | 3.3   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6211   | WM+DNI 258 Hoàn   | 4192349408 | ✓ 3.3             | 3.3   | 1     |         |         |         |
| TOTAL:       |                   |        |                   |            | 19.40             | 19.40 | 5     |         |         |         |
| GRAND TOTAL: |                   |        |                   |            | 19.40             | 19.40 | 5     |         |         |         |

SCSVN

Lưu ý: nhà cung cấp phải niêm phong thùng hàng khi gửi tới kho lạnh Lineage Logistics Việt Nam

Nhà cung cấp/ NVC

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)  
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm tra niêm phong

Nguyen Thi Hien



# BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-193769

9/07/2026

Khách hàng: VIN-919 WINCOMMERCE- XDOCK

Nhà cung cấp: 2003606 NGOC THOM-C

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại hàng: HÀNG MÁT

Số xe:

Giờ nhận hàng:

Loại xe giao hàng:

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe:

°C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên:

°C

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Tình trạng kiện hàng: Thùng rách ☐ Hư hỏng ☐ Mùi hôi ☐ Bẩn ☐ Móp méo ☐ Ướt, chảy nước ☐

| Mã hàng      | Tên hàng          | Mã kho | Tên kho          | Số SO        | Nhận hàng thực tế |       |       |         |         | Ghi chú |
|--------------|-------------------|--------|------------------|--------------|-------------------|-------|-------|---------|---------|---------|
|              |                   |        |                  |              | Net(kgs)          | Gross | Thùng | Khay2.5 | Khay1.6 |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 1602   | WM Hậu Giang     | 4192571022 ✓ | 7.0               | 7.0   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 1613   | WM Lê Thánh Tôn  | 4192570540 ✓ | 8.0               | 8.0   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 2A74   | WM+ KHA 11 Phon  | 4192621723 ✓ | 6.0               | 6.0   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 2BZV   | WM+ HCM 258 Võ T | 4192355858 ✓ | 3.2               | 3.2   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 3748   | WM+ KHA Lô 232 K | 4192618287 ✓ | 6.3               | 6.3   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 3902   | WM+ CTO Thừa 12  | 4192616968 ✓ | 3.3               | 3.3   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4548   | WM+ CTO 51 Đường | 4192611269 ✓ | 3.2               | 3.2   | 1     |         |         |         |
| TOTAL:       |                   |        |                  |              | 37.00             | 37.00 | 7     |         |         |         |
| GRAND TOTAL: |                   |        |                  |              | 37.00             | 37.00 | 7     |         |         |         |

SCSVN

Lưu ý: nhà cung cấp phải niêm phong thùng hàng khi gửi tới kho lạnh Lineage Logistics Việt Nam

Nhà cung cấp/ NVC

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)  
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm tra niêm phong

  
**Lineage®**  
CÔNG TY TNHH EMERGENT COLD VIỆT NAM  
Số 13, đường số 6, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Tel: 2743-737669  
vin-songthan.vnmert@enelineage.com

Nguyen Ngoc Tan

# BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-193818

10/07/2026

Khách hàng: VIN-919 WINCOMMERCE- XDOCK

Nhà cung cấp: 2003606 NGOC THOM-C

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại hàng: **HÀNG MÁT**

Số xe:

Giờ nhận hàng:

Loại xe giao hàng:

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe:

°C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên:

°C

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Tình trạng kiện hàng: Thùng rách ☐ Hư hỏng ☐ Mùi hôi ☐ Bẩn ☐ Móp méo ☐ Ướt, chảy nước ☐

| Mã hàng      | Tên hàng          | Mã kho | Tên kho          | Số SO        | Nhận hàng thực tế |       |       |         |         | Ghi chú |
|--------------|-------------------|--------|------------------|--------------|-------------------|-------|-------|---------|---------|---------|
|              |                   |        |                  |              | Net(kgs)          | Gross | Thùng | Khay2.5 | Khay1.6 |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 1636   | WM Cao Lãnh      | 4192662210 ✓ | 7.5               | 7.5   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 1639   | WM Sóc Trăng     | 4192682838 ✓ | 4.3               | 4.3   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 2AHS   | WM+ BTN 135 Nguy | 4192616759 ✓ | 5.0               | 5.0   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4674   | WM+ DTP 669-671  | 4192611419 ✓ | 4.0               | 4.0   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4786   | WM+ VLG 33/15D P | 4192254229 ✓ | 3.7               | 3.7   | 1     |         |         |         |
| TOTAL:       |                   |        |                  |              | 24.50             | 24.50 | 5     |         |         |         |
| GRAND TOTAL: |                   |        |                  |              | 24.50             | 24.50 | 5     |         |         |         |

SCSVN

Lưu ý: nhà cung cấp phải niêm phong  
thùng hàng khi gửi tới kho lạnh Lineage  
Logistics Việt Nam

Nhà cung cấp/ NVC

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)  
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm  
tra niêm phong

  
**CÔNG TY TNHH EMERGENT GOLD VIỆT NAM**  
Số 18, đường số 6, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Tel: 02743-737689  
Email: vn.songthan.vinmart@onelineage.com

Nguyen Ngoc Tan

Hàng Mát ( C ) : Công Ty cổ Phần ITL Logistics tại Miền Trung, Lô X11, đường số 10B, KCN Hòa Khánh mở rộng, Phường Liên Chiểu, Đà Nẵng  
 Email Booking: vanlt2@winmart.masangroup.com, vannn@winmart.masangroup.com; , nhinty2@supra.masangroup.com; ngant5@supra.masangroup.com  
 Liên hệ: Mr. Văn (0818736194) , Mr Văn ( 0901953491 ), Ms. Nhi ( 0905.641.603), MS. Nga ( 0935 324 372)

## THÔNG BÁO GIAO HÀNG

Tên NCC: Công Ty Ngọc Thơm

Số ĐT liên hệ: 0918 42 43 25 anh ngọc

| Mã NCC  | Tên NCC   | Số PO      | Ngày dự kiến giao hàng tối kho | Mã CH/ST | Tên CH/ST                          | Loại hàng (F/C) | Số kiện | Khối lượng (Kg) | Kiểm dịch    |
|---------|-----------|------------|--------------------------------|----------|------------------------------------|-----------------|---------|-----------------|--------------|
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253532 | 8/7/2026                       | 1383     | WMP_Fresh_Miền Trung_ Đồng_Mát_ITL | C               | 11      | 281.1           | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192392245 | 8/7/2026                       | 1546     | WM VCP DNG Đà Nẵng                 | C               | 1       | 12              | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192400764 | 8/7/2026                       | 1607     | WM VCP PYN Tuy Hòa                 | C               | 1       | 2.4             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192349067 | 8/7/2026                       | 1623     | WM VCP QNI Quảng Ngãi              | C               | 1       | 5.4             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253549 | 8/7/2026                       | 2A03     | WM+ QNM 486 Hùng Vương, Duy Xuyên  | C               | 1       | 3.6             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253551 | 8/7/2026                       | 2A38     | WM+ QNM Ngọc Vinh, Điện Bàn        | C               | 1       | 4.05            | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253565 | 8/7/2026                       | 2A93     | WM+ QTI 40A Lê Duẩn                | C               | 1       | 4.9             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253567 | 8/7/2026                       | 2A94     | WM+ GLI 1107 - 1109 Quang Trung    | C               | 1       | 3.85            | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253573 | 8/7/2026                       | 2A96     | WM+ GLI 435 Nguyễn Huệ             | C               | 1       | 6.2             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253577 | 8/7/2026                       | 2AA0     | WM+ TTH 44 Cách Mạng Tháng Tám     | C               | 1       | 4.4             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253582 | 8/7/2026                       | 2AAD     | WM+ QNM 116 Hùng Vương, Bắc Trà My | C               | 1       | 4.6             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253587 | 8/7/2026                       | 2AAK     | WM+ QNM 21 Huỳnh Thúc Kháng        | C               | 1       | 3               | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253590 | 8/7/2026                       | 2AAR     | WM+ KTM 1A Bà Triệu                | C               | 1       | 3.8             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253594 | 8/7/2026                       | 2AAY     | WM+ QNM 693-695 Hùng Vương         | C               | 1       | 4               | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253596 | 8/7/2026                       | 2AB3     | WM+ QNI 482 Nguyễn Nghiêm          | C               | 1       | 4.1             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253604 | 8/7/2026                       | 2ABH     | WM+ KTM 888 Hùng Vương             | C               | 1       | 8.35            | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253607 | 8/7/2026                       | 2ABI     | WM+ GLI 331 Hùng Vương             | C               | 1       | 4.8             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253621 | 8/7/2026                       | 2ACK     | WM+ TTH QL1A, Thôn 9, Chợ Phú Bài  | C               | 1       | 2.8             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253622 | 8/7/2026                       | 2ACV     | WM+ QNM 57 Hùng Vương              | C               | 1       | 5.15            | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253626 | 8/7/2026                       | 2ADD     | WM+ KTM 245 Trần Hưng Đạo          | C               | 1       | 3               | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253629 | 8/7/2026                       | 2ADV     | WM+ QTI Số 107 QL 9, Hướng Hóa     | C               | 1       | 5.4             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253634 | 8/7/2026                       | 2ADW     | WM+ QNI 155 Phạm Văn Đồng          | C               | 1       | 3.7             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253641 | 8/7/2026                       | 2AEF     | WM+ GLI Trần Hưng Đạo, Krông Pa    | C               | 1       | 4.5             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253645 | 8/7/2026                       | 2AEH     | WM+ GLI 380 Quang Trung            | C               | 1       | 5.2             | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253647 | 8/7/2026                       | 2AEQ     | WM+ BDH 262 Quang Trung            | C               | 1       | 3.9             | CÓ KIỂM DỊCH |

|         |           |            |          |      |                                       |   |   |      |              |
|---------|-----------|------------|----------|------|---------------------------------------|---|---|------|--------------|
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253648 | 8/7/2026 | 2AET | WM+ GLI 176 Hùng Vương                | C | 1 | 3.75 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253657 | 8/7/2026 | 2AH5 | WM+ QTI Khu phố 3, TT Cửa Việt        | C | 1 | 3.2  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253660 | 8/7/2026 | 2A14 | WM+ QTI 83 Lê Duẩn                    | C | 1 | 4.8  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253663 | 8/7/2026 | 2A18 | WM+ QTI Khu phố An Đức 2, Vĩnh Linh   | C | 1 | 5.4  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253667 | 8/7/2026 | 2A1E | WM+ BDH 143 Thành Thái                | C | 1 | 3.3  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253669 | 8/7/2026 | 2AIM | WM+ QNM Thửa 274, TBD 31              | C | 1 | 3    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253672 | 8/7/2026 | 2AK9 | WM+ GLI 256 Trần Hưng Đạo             | C | 1 | 4.5  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253682 | 8/7/2026 | 2AMQ | WM+ QNM DT610B Thôn Bảo An            | C | 1 | 2.8  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253683 | 8/7/2026 | 2AMS | WM+ BDH 286 Quang Trung               | C | 1 | 3.6  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253686 | 8/7/2026 | 2AN9 | WM+ PYN Phú Long, Tuy An              | C | 1 | 4.9  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253688 | 8/7/2026 | 2ANG | WM+ BDH 403B Nguyễn Huệ               | C | 1 | 6.3  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253692 | 8/7/2026 | 2ANN | WM+ QNM Thôn Châu Lâm, Bình Trị       | C | 1 | 3.6  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253693 | 8/7/2026 | 2AO5 | WM+ PYN 79 Lê Thành Phương            | C | 1 | 4.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253704 | 8/7/2026 | 2AO7 | WM+ TTH 73 Sông Hồng                  | C | 1 | 4.2  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253705 | 8/7/2026 | 2AOB | WM+ QNM 221 Đường Hồ Chí Minh         | C | 1 | 3.6  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253706 | 8/7/2026 | 2AOF | WM+ QNM TD 1081-1082, TBD 02, Bà Rén  | C | 1 | 4.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253707 | 8/7/2026 | 2AOH | WM+ QNM 10C Hoàng Sa                  | C | 1 | 4.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253708 | 8/7/2026 | 2AOU | WM+ QNM TD 1530, TBD 16, Thôn Mộc Bài | C | 1 | 3    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253710 | 8/7/2026 | 2AOV | WM+ QNM 343 - 345 Trần Cao Vân        | C | 1 | 5.5  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253712 | 8/7/2026 | 2AOY | WM + QNM Đường DT 610B, Thôn Hà An    | C | 1 | 4.15 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253724 | 8/7/2026 | 2APH | WM+ QNM Thửa 980-981, TBD 22          | C | 1 | 3.85 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253726 | 8/7/2026 | 2APS | WM+ QNM 214 Đường 609C, Thôn Mỹ Đông  | C | 1 | 3.4  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253727 | 8/7/2026 | 2AQ9 | WM+ QNM 1140 Hùng Vương               | C | 1 | 4.8  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253730 | 8/7/2026 | 2AQW | WM+ QNM 41 Hùng Vương                 | C | 1 | 3    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253733 | 8/7/2026 | 2AR3 | WM+ QNI Minh Mỹ, Sơn Tịnh             | C | 1 | 3.15 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253762 | 8/7/2026 | 2ATG | WM+ QNM Đường DH4.DX, Thôn Hà Mỹ      | C | 1 | 3.6  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253763 | 8/7/2026 | 2ATH | WM+ QNM 07 - 09 Tôn Đức Thắng         | C | 1 | 3    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253774 | 8/7/2026 | 2ATJ | WM+ QNM Phong Lục Tây, Điện Thắng N   | C | 1 | 6.25 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253775 | 8/7/2026 | 2AU5 | WM+ GLI 463 - 465 Trần Hưng Đạo, Ay   | C | 1 | 3    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253776 | 8/7/2026 | 2AU8 | WM+ TTH 57 Bao Vinh                   | C | 1 | 4.45 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253780 | 8/7/2026 | 2AV7 | WM+ QNM Thửa 260-261, Thôn Cây Sanh   | C | 1 | 3.45 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253781 | 8/7/2026 | 2AVC | WM+ QNM Thôn Tắt Viên, Bình Phục      | C | 1 | 3.6  | CÓ KIỂM DỊCH |

|         |           |            |          |      |                                      |   |   |      |              |
|---------|-----------|------------|----------|------|--------------------------------------|---|---|------|--------------|
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253799 | 8/7/2026 | 2AW0 | WM+ QNM Thừa 17/1, TBD 12, ĐT610     | C | 1 | 4    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253803 | 8/7/2026 | 2AW1 | WM+ GLI Lô 01 Nguyễn Huệ, Kông Chro  | C | 1 | 3.85 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253820 | 8/7/2026 | 2AWR | WM+ QTI 207 Trần Phú                 | C | 1 | 6.85 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253834 | 8/7/2026 | 2AX4 | WM+ TTH 983 Nguyễn Tất Thành         | C | 1 | 3.9  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253835 | 8/7/2026 | 2AX9 | WM+ QNM TĐ 18, TBD 2, Thôn Phú Đông  | C | 1 | 4.8  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253838 | 8/7/2026 | 2AY9 | WM+ QNM 263 Hùng Vương               | C | 1 | 4.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253842 | 8/7/2026 | 2AYP | WM+ DNG 1446 Trần Thủ Độ             | C | 1 | 4.4  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253854 | 8/7/2026 | 2AYR | WM+ TTH Khuông Phò Đông, Quảng Phước | C | 1 | 4.95 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253855 | 8/7/2026 | 2AYS | WM+ TTH Thôn Mậu Tài, Dương Nỗ       | C | 1 | 3.6  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253871 | 8/7/2026 | 2B30 | WM+ TTH 128 Minh Mạng                | C | 1 | 4.05 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253873 | 8/7/2026 | 2B32 | WM+ QNI Hùng Vương, Đắc Tô           | C | 1 | 5.4  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253924 | 8/7/2026 | 2BAE | WM+ TTH Kinh Dương Vương, Thuận An   | C | 1 | 5.35 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253928 | 8/7/2026 | 2BBM | WM+ QNI Vô Nguyên Giáp, Măng Đen     | C | 1 | 7.1  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253946 | 8/7/2026 | 2BFQ | WM+ QTI Thôn Nam Đông, Cồn Tiên      | C | 1 | 3.3  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253947 | 8/7/2026 | 2BG0 | WM+ TTH Số 40 Dạ Lê                  | C | 1 | 3.95 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253948 | 8/7/2026 | 2BG3 | WM+ QTI 71 Phan Đình Phùng           | C | 1 | 5.05 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253952 | 8/7/2026 | 2BHI | WM+ DNG Thôn Phước Đức               | C | 1 | 4.15 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253964 | 8/7/2026 | 2BI5 | WM+ GLI Tổ Dân Phố 2, Ia Ly          | C | 1 | 3.25 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253965 | 8/7/2026 | 2BI6 | WM+ GLI Tùng Giản, Tuy Phước Đông    | C | 1 | 3.15 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253969 | 8/7/2026 | 2BL0 | WM+ GLI Thôn Hợp Hòa, Ia Drang       | C | 1 | 3.9  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253970 | 8/7/2026 | 2BL1 | WM+ GLI Thắng Kiên, Đê Gi            | C | 1 | 3.15 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192253972 | 8/7/2026 | 2BL3 | WM+ GLI Thôn 7, Biển Hồ              | C | 1 | 4.5  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254021 | 8/7/2026 | 2BQ3 | WM+ TTH Thôn 1, Thanh Thủy           | C | 1 | 3.15 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254022 | 8/7/2026 | 2BR1 | WM+ TTH QL49B, Phú Vinh              | C | 1 | 2.8  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254023 | 8/7/2026 | 2BR4 | WM+ QTI Thôn Mỹ Chánh, Nam Hải Lăng  | C | 1 | 5.65 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254046 | 8/7/2026 | 2BU5 | WM+ GLI Thôn Mook Đen 2, Ia Dom      | C | 1 | 3.15 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254047 | 8/7/2026 | 2BX2 | WM+ DNG Thôn Hà Bình, Thăng An       | C | 1 | 5.55 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254050 | 8/7/2026 | 2BY9 | WM+ GLI 31 - 33 Hồng Lĩnh            | C | 1 | 3.15 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254074 | 8/7/2026 | 2CAI | WM+ QTI Thôn An Bình, Hiếu Giang     | C | 1 | 4.75 | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254087 | 8/7/2026 | 2CIS | WM+ GLI 38 Hùng Vương, Chư Păh       | C | 1 | 3.3  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254403 | 8/7/2026 | 4900 | WM+ GLI 105-107 Thống Nhất           | C | 1 | 3.1  | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254508 | 8/7/2026 | 4909 | WM+ GLI 32 Lê Duẩn                   | C | 1 | 3.4  | CÓ KIỂM DỊCH |

|         |           |            |          |      |                                     |   |     |        |              |
|---------|-----------|------------|----------|------|-------------------------------------|---|-----|--------|--------------|
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254527 | 8/7/2026 | 4910 | WM+ GLI 115 Cách Mạng Tháng 8       | C | 1   | 4.3    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254536 | 8/7/2026 | 4980 | WM+ QTI 158 Lê Lợi                  | C | 1   | 3.7    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254540 | 8/7/2026 | 4981 | WM+ QTI 52 Tôn Thất Thuyết          | C | 1   | 3.3    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254554 | 8/7/2026 | 5033 | WM+ QTI 35 Hùng Vương               | C | 1   | 3.1    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254592 | 8/7/2026 | 5217 | WM+ TTH Lô C4-3, KQH Xuân Phú       | C | 1   | 3.1    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254638 | 8/7/2026 | 5860 | WM+ QNM 274 Trần Nhân Tông, Điện Bà | C | 1   | 4.2    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254647 | 8/7/2026 | 6107 | WM+ QNM 97 Phan Châu Trinh, TP Tam  | C | 1   | 4.15   | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254648 | 8/7/2026 | 6115 | WM+ QNM 37 Lê Lợi, TP Tam Kỳ        | C | 1   | 3.6    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254649 | 8/7/2026 | 6126 | WM+ QNM 149 Lý Thường Kiệt, TP Tam  | C | 1   | 4.75   | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254682 | 8/7/2026 | 6200 | WM+ QTI 163 Trần Hưng Đạo           | C | 1   | 4.5    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254687 | 8/7/2026 | 6285 | WM+ QTI 126 Lý Thường Kiệt, Đông Hà | C | 1   | 3.6    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254703 | 8/7/2026 | 6407 | WM+ QNM 101 Huỳnh Ngọc Huệ, Đại Lộc | C | 1   | 4.5    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254704 | 8/7/2026 | 6420 | WM+ KTM 209A Trần Phú               | C | 1   | 4.35   | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254708 | 8/7/2026 | 6553 | WM+ QNM 233 Tiểu La, Thăng Bình     | C | 1   | 5.5    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254712 | 8/7/2026 | 6556 | WM+ QNM 8-10 Nguyễn Văn Linh, Núi T | C | 1   | 4.6    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254714 | 8/7/2026 | 6588 | WM+ BDH 292 - 294 Trần Hưng Đạo, Qu | C | 1   | 3.2    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254732 | 8/7/2026 | 6720 | WM+ KTM 258 Trần Khánh Dư           | C | 1   | 4.8    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254781 | 8/7/2026 | 6902 | WM+ QTI 87 Hùng Vương, Hải Lăng     | C | 1   | 6.7    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254794 | 8/7/2026 | 6905 | WM+ QTI 101 Hai Bà Trưng, Quảng Trị | C | 1   | 3.55   | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254795 | 8/7/2026 | 6906 | WM+ QTI 08-08A Trần Hưng Đạo, Quảng | C | 1   | 4.05   | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254819 | 8/7/2026 | 6972 | WM+ GLI 435 Hùng Vương, Phú Thiện   | C | 1   | 4.8    | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254823 | 8/7/2026 | 6973 | WM+ QTI 49 Trần Phú, Vĩnh Linh      | C | 1   | 4      | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254848 | 8/7/2026 | 6984 | WM+ QNM 157 Trưng Nữ Vương          | C | 1   | 4.45   | CÓ KIỂM DỊCH |
| 2003606 | Ngọc Thơm | 4192254850 | 8/7/2026 | 6987 | WM+ TTH 65 An Cư Đông               | C | 1   | 6.75   | CÓ KIỂM DỊCH |
|         |           |            |          |      | Tổng                                |   | 123 | 760.95 |              |

NCC giao hàng  
(Kí ghi rõ họ tên)

Nhà Vận Chuyển  
(Kí ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM  
MST: 0309391503  
12/14/18 Đường 49, KP. 7, P. Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. HCM

Nguyễn Thiên Trang

KHO NHẬN HÀNG  
(Kí ghi rõ họ tên)  
Ngày: 8-7-2026  
Số lượng: 112 + 11  
ĐÃ NHẬN HÀNG

Đinh Viết Hiếu



## THÔNG BÁO GIAO HÀNG

Tên Nhà cung cấp: Công ty Ngọc Thơm

Mã Nhà cung cấp: 2003606

Mã số đơn đặt hàng:

4192253532

Ngày giao hàng: 08/07/2026

Siêu Thị / Cửa hàng:

1383 WMP\_Fresh\_Miền Trung\_Đồng\_Mát\_ITL

| STT | Mã hàng  | Mã vạch       | Tên hàng              | ĐVT | Số lượng giao | Thực nhận | Ghi chú |
|-----|----------|---------------|-----------------------|-----|---------------|-----------|---------|
| 1   | 10005984 | 8938529045856 | CHÂN GIÒ MUỐI 300G    | TÚI | 171           | 171       |         |
| 2   | 10005986 | 8938529045924 | GÀ MUỐI 500G          | TÚI | 102           | 102       |         |
| 3   | 10005987 | 8938529045627 | TAI HEO MUỐI 200G     | TÚI | 80            | 80        |         |
| 4   | 10638307 | 8938529045030 | GIÒ TAI LƯỖI XÀO 250G | TÚI | 124           | 124       |         |
| 5   | 10638308 | 8938529045047 | MỘC NẤM HƯƠNG 250G    | TÚI | 62            | 62        |         |
| 6   | 10182351 | 8938529045139 | CHẢ CỒM 300G          | TÚI | 102           | 102       |         |
| 7   | 10182350 | 8938529045207 | CHẢ NƯỚNG 300G        | TÚI | 69            | 69        |         |
| 8   | 10182348 | 8938529045177 | GIÒ LỤA 250G          | TÚI | 138           | 138       |         |
| 9   | 10184167 | 8938529045917 | GÀ XÌ DẦU 500G        | TÚI | 61            | 61        |         |
| 10  | 10182349 | 8938529045191 | GIÒ SỤN GÀ 250G       | TÚI |               |           |         |

Nhà cung cấp

(Ký và ghi rõ họ tên)

An ninh

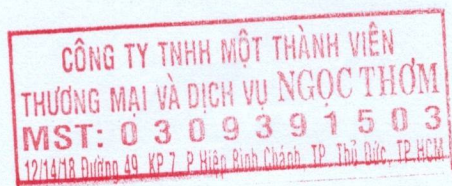
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nhân viên nhận hàng

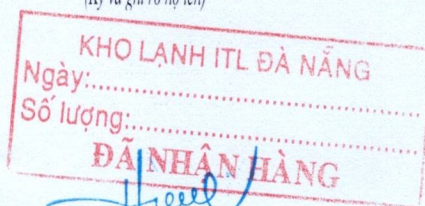
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngành hàng

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thiên Trang



Đinh Viết Hiếu

PHIẾU XUẤT KHO – CROSS-DOCKING HÀNG ĐÔNG LẠNH

Green Logistic – Kho Đà Nẵng | Mẫu: GL-OUT-001 | Lưu 12 tháng

|               |                |          |              |
|---------------|----------------|----------|--------------|
| Số Phiếu Xuất | 13/07/26 Gr-QM | Số xe:   | 43H00943     |
| Ngày Xuất:    | 07.07.2026     | Tài xế:  | Hồ Văn Goàng |
| Giờ dự hẹn:   |                | Tuyến    | Ngọc Thơm    |
| Giờ xuất hàng |                | Số Seal: |              |

| STT            | Mã NC C | Tên Nhà Cung Cấp | Số PO / Đơn hàng | Số Hóa Đơn | Thùng Xuất | Kgs Xuất        | Điều kiện bảo quản | Ghi chú |
|----------------|---------|------------------|------------------|------------|------------|-----------------|--------------------|---------|
| 1              |         | Ngọc Thơm        |                  |            | 123        | 1101,5          | Hàng Đông          |         |
| TỔNG CỘNG XUẤT |         |                  |                  |            | 123        | 1101,5          |                    |         |
| ĐIỀU PHỐI XUẤT |         |                  | THỦ KHO XUẤT     |            |            | LÁI XE XÁC NHẬN |                    |         |

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Khuyên